

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 11/TTP/2021

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

- Tên tổ chức, cá nhân:** CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM
- Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028. 38277100 Fax:
- Email: Linh.TrinhThiAi@tetrapak.com
- Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
- Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP : Không áp dụng

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

- Tên sản phẩm:** GIẤY PHỨC HỢP TPA DÙNG LÀM BAO BÌ ĐỰNG THỰC PHẨM

- Thành phần:** Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp.

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE.
- Lớp thứ 2: Lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: Nhựa PE
- Lớp thứ 4: Màng nhôm
- Lớp thứ 5 và 6: (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): Lớp nhựa PE

- Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Tetra Pak. Ngày sản xuất (Prod Date) và Hạn sử dụng (Best before) xem trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.
- Các pallet được bọc bởi các lớp PE quấn xung quanh.

- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

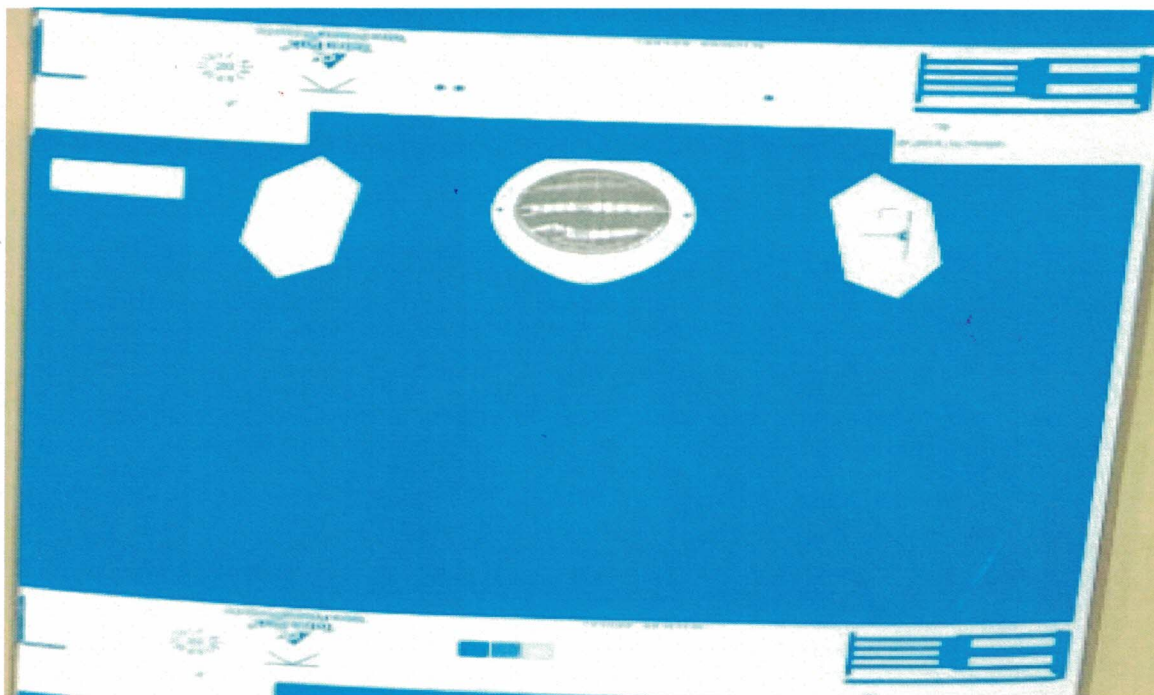
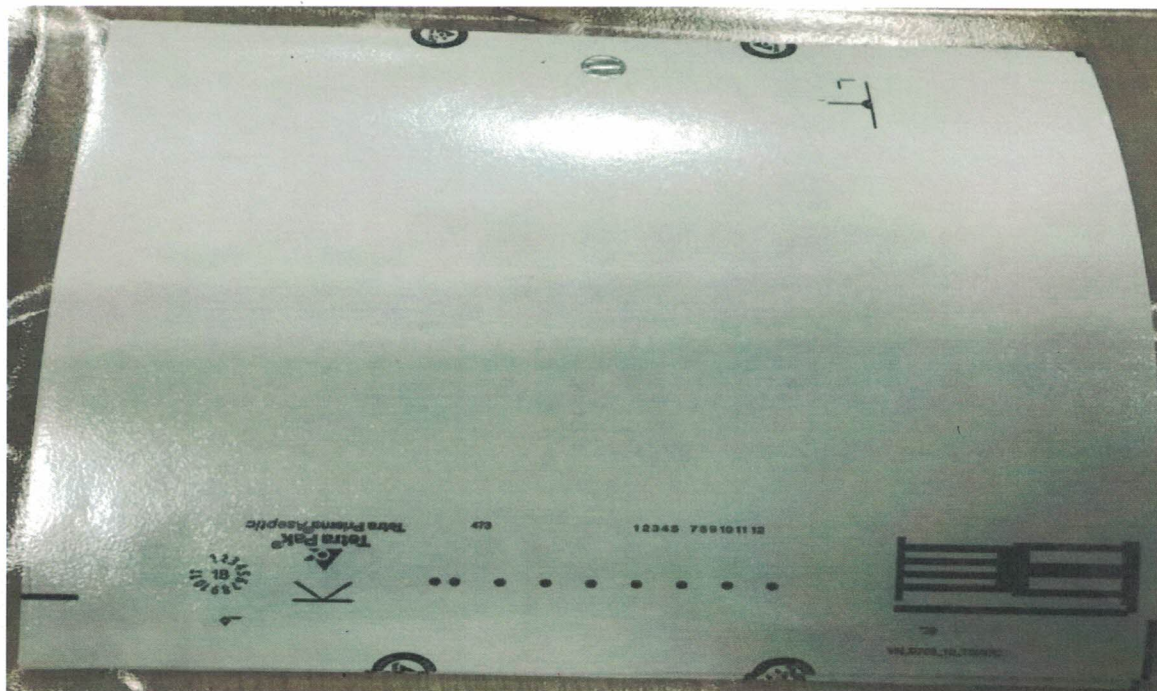
Sản xuất tại: GOTEMBA TETRA PAK L.L.C

Địa chỉ nhà máy sản xuất: Iidabashi Grand Bloom 8F,2-10-2 Fujimi, Chiyoda-ku, Toyota, Japan;
Gotemba Plant:5-1, Itazuma, Gotemba-shi, Shizuoka-ken Japan, Japan/ Nhật Bản



III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

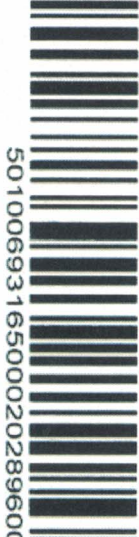
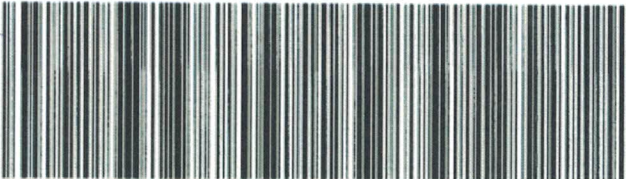
- Hình sản phẩm



**** Ghi chú: Sản phẩm có nhiều mã hàng và mẫu nhãn nên mẫu nhãn đính kèm chỉ mang tính chất minh họa**

- Nhãn sản phẩm dự kiến

		Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa [SP]TPA250Edge jII FP CD HAL HPE PLH25	
Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa DJP - Z513 - 01		Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất P501-0693165	
Customer Name / Tên khách hàng DENEAST VIETNAM COMPANY LIMITED			
 5010069316500010819000	Pallet Contents / Pa-lét gồm 1-0002 / 11700 2-0002 / 11700 3-0002 / 11700 4-0002 / 11700 5-0002 / 11700 6-0002 / 11700 7-0002 / 11700	Made in / Sản xuất tại: Japan Thành Phần: PE, nhôm, giấy và mực in Thông số kỹ thuật: QCVN 12-1:2011 /BYT Hướng dẫn sử dụng: Giấy phù hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm, dùng trên máy tương thích Hướng dẫn lưu trữ: 10 độ C - 40 độ C, độ ẩm 40%-65% Chi tiết xem tài liệu đính kèm	GTIN of Content 97329005640698 SSCC 3732917069316500 Batch / Lô sản xuất 0693165001 Customer Part Number
	 (02)97329005640698(11)210711(37)07(241)		

		Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa [SP]TPA250Edge jII FP CD HAL HPE PLH25	
Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa DJP - Z513 - 01		Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất P501-0693165	
Customer Name / Tên khách hàng DENEAST VIETNAM COMPANY LIMITED			
 5010069316500020289600	Pallet Contents / Pa-lét gồm 7-0001 / 12420 4-0001 / 08270 2-0001 / 08270	Made in / Sản xuất tại: Japan Thành Phần: PE, nhôm, giấy và mực in Thông số kỹ thuật: QCVN 12-1:2011 /BYT Hướng dẫn sử dụng: Giấy phù hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm, dùng trên máy tương thích Hướng dẫn lưu trữ: 10 độ C - 40 độ C, độ ẩm 40%-65% Chi tiết xem tài liệu đính kèm	GTIN of Content 97329005640698 SSCC 3732917069316500 Batch / Lô sản xuất 0693165002 Customer Part Number
	 (02)97329005640698(11)210711(37)03(241)		

**** Ghi chú: Sản phẩm có nhiều mã hàng và mẫu nhãn nên mẫu nhãn đính kèm chỉ mang tính chất minh họa.**

– Nội dung nhãn phụ sản phẩm

• **Tên sản phẩm: GIẤY PHỨC HỢP TPA DÙNG LÀM BAO BÌ ĐỰNG THỰC PHẨM**

Thành phần: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp.

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE.
- Lớp thứ 2: Lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: Nhựa PE.
- Lớp thứ 4: Màng nhôm
- Lớp thứ 5 và 6: (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): Lớp nhựa PE

Kích thước sản phẩm

- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi nhãn của mỗi tại nhà máy sản xuất giấy.

Hướng dẫn sử dụng:

- Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm, dùng trên máy tương thích.
- Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài. Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

Hướng dẫn bảo quản:

- Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp.
- Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên vật liệu khác.
- Bao bì phải được đặt trên pallet và các pallet phải được cách tường ít nhất 100 mm.
- Các bao bì dùng dở phải được bao bọc kỹ và dán nhãn rõ ràng.
- Hướng dẫn lưu trữ: 10 độ C- 40 độ C, độ ẩm 40%-65%

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Tetra Pak. Ngày sản xuất (Prod Date) và Hạn sử dụng (Best before) xem trên bao bì sản phẩm (ngày.tháng.năm)

Xuất xứ: NHẬT BẢN

Sản xuất tại: GOTEMBA TETRA PAK L.L.C

Địa chỉ nhà máy sản xuất: Iidabashi Grand Bloom 8F,2-10-2 Fujimi, Chiyoda-ku, Toyota, Japan;
Gotemba Plant:5-1, Itazuma, Gotemba-shi, Shizuoka-ken Japan, Japan/ Nhật Bản

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

- **CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM**
- Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028. 38277100

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh *Giấy phức hợp TPA dùng làm bao bì đựng thực phẩm* đạt yêu cầu an toàn thực phẩm để chứa các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn theo: **Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm: QCVN 12-1:2011/BYT**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.HCM, Ngày 22 tháng 07 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Ngọc Trinh





TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Testing:

No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012

Fax: (84-251) 383 6298

Fax: (84-28) 3829 3012

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: dh.cs@quatest3.com.vn

E-mail: dh.cs@quatest3.com.vn

KT3-06048AHD0/2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2020

Trang 01/03

- Tên mẫu : GIẤY PHỨC HỢP TPA DÙNG LÀM BAO BÌ ĐỰNG THỰC PHẨM
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
(xem hình trang 03/03)
Trên bao chứa mẫu có dán tem thông tin hồ sơ 2330/N3.20/ĐG/PT
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 27/10/2020
- Thời gian thử nghiệm : 28/10/2020 – 03/11/2020
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM
235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG

Nguyễn Thị Thùy Nhi



Phan Thành Trung



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012

Fax: (84-251) 383 6212

Fax: (84-28) 3829 3160

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: dh.cs@quatest3.com.vn

E-mail: dh.cs@quatest3.com.vn

KT3-06048AHD0/2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2020

Trang 02/03

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh nhựa (mặt không in) bằng phương pháp phổ hồng ngoại	-	ASTM E 1252 – 98	-	Polyethylene
THỬ VẬT LIỆU				
7.2 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.3 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH
7.6 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	< 10,0 (*)
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH

Ghi chú : KPH: không phát hiện
(*) Giới hạn định lượng

KT3-06048AHD0/2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2020

Trang 03/03

